TÒA ÁN N1 DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm N1 dân:

1. Ông Trần Văn Tam.

2. Ông Trần Hữu Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Huế – Thư ký Tòa án nhân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 843/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 78/2025/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 216, ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Ông Trương Bạch H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 41, ấp A, xã L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà L trình bày:

Về quan hệ hôn **nhân**: Bà L và ông H kết hôn tại Ủy ban **nhân** dân xã xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc Nng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên **nhân** là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải Nng không có kết quả và đã không còn chung sống với nhau. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn **nhân** không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 15/7/2005 và cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 07/8/2010. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1. Tạm thời bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Riêng cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại phiên toà bị đơn ông H trình bày:* Về quan hệ hôn N1: Bà L và ông H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn gì Nng vào cuối năm 2024 bà L chuyển về sinh sống với mẹ ruột. Lý do bà L chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống là do nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác Nng thực tế thì ông không có quan hệ với người khác. Từ khi không còn chung sống với nhau thì ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng Nng không có kết quả và ông cũng không có biện pháp nào để hàn gắn hôn N1. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông H thì ông không đồng ý với lý do để cho cháu N lập gia đình xong ông mới đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 15/7/2005 và cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 07/8/2010. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1. Tạm thời không yêu cầu bà Ling cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử N sau: Ông H với bà L phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Trương Bạch H. Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng N1, sinh năm 2010 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng ông H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Riêng cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L và ông H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn N1 gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trương Bạch H, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H hiện đang sinh sống tại địa chỉ: phường L, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án N1 dân khu vực 1 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng bà L trình bày về quan hệ hôn nhân hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm chăm sóc cho ai nên tình cảm vợ chồng vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H tại được địa phương cung cấp thông tin giữa ông H và bà L có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ. Tại phiên toà ông H trình bày hai vợ chồng hiện nay không còn chung sống với nhau, ông H đã nhiều lần hằn gắn tình cảm không có kết quả; hiện nay ông cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; lý do ông không đồng ý ly hôn là để cháu N lập gia đình. N vậy, lời trình bày của bà L và ông H là phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Bà L và ông H có 02 con chung là cháu Trương Thị Ngọc N, sinh ngày 15/7/2005 và cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 07/8/2010. Ly hôn bà L và ông H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy, hiện cháu N1 đang sinh sống ổn định với ông H và ông H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung. Mặt khác, nguyện vọng của cháu N1 muốn được sinh sống với ông H. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu N1 được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử giao cháu N1 cho ông H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở bà L thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[2.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà L và ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L về tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Trương Bạch H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Trương Bạch H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng N1, sinh ngày 07/8/2010 cho ông H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu N đã trưởng thành

và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp tại biên lai số 0006422 ngày 02/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND KV1 -Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS KV1 -Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn